kythithpt.com
Thi thử online • Luyện như thi thật

ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 2 trang)

CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: VẬT LÝ - LỚP 10

*Thời gian làm bài: **50 phút**, không kể thời gian phát đề*

Phát hành ngày 31/10/2026

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Mã đề: L10.CK1.037

TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Một đoàn tàu đang chạy với vận tốc 3 m/s thì sau 2 s vận tốc trở thành 29 m/s. Nếu giữ nguyên gia tốc ấy thêm 7 s nữa thì vận tốc của một đoàn tàu bằng

A. 117 m/s **B.** 120 m/s **C.** 29 m/s **D.** -62 m/s

Câu 2. Công thức cộng vận tốc được viết là

A. $v_{13} = v_{12} + v_{23}$ với mọi hướng của hai vận tốc **B.** $\vec{v}_{13} = \vec{v}_{12} + \vec{v}_{23}$

C. $\vec{v}_{13} = \vec{v}_{12} - \vec{v}_{23}$ **D.** $\vec{v}_{13} = \vec{v}_{12} \cdot \vec{v}_{23}$

Câu 3. Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Độ dịch chuyển luôn lớn hơn hoặc bằng quãng đường.

B. Quãng đường và độ dịch chuyển luôn có cùng độ lớn.

C. Quãng đường có thể âm khi vật đi ngược chiều dương.

D. Độ dịch chuyển là đại lượng vectơ, quãng đường là đại lượng vô hướng.

Câu 4. Một ngẫu lực gồm hai lực 16 N, hai giá cách nhau 23 cm. Moment của ngẫu lực bằng

A. 736 N·cm **B.** 368 N·cm **C.** 184 N·cm **D.** 39 N·cm

Câu 5. Một con robot đi thẳng 95 m theo chiều dương rồi quay lại đi 62 m, tất cả hết 16 s. Vận tốc trung bình của một con robot bằng (làm tròn đến hàng phần mười).

A. $9,8$ m/s **B.** $5,9$ m/s **C.** $-2,1$ m/s **D.** $2,1$ m/s

Câu 6. Việc "ghi lại rằng quả bóng nảy thấp dần sau mỗi lần chạm đất" thuộc bước nào trong tiến trình tìm hiểu tự nhiên?

A. Hình thành giả thuyết **B.** Lập kế hoạch kiểm tra giả thuyết

C. Thực hiện kế hoạch, thu thập số liệu **D.** Quan sát, nêu vấn đề cần tìm hiểu

Câu 7. Điều kiện cân bằng của một chất điểm là

A. hợp lực của tất cả các lực tác dụng lên nó bằng không.

B. nó đứng yên tại một vị trí xác định.

C. tổng độ lớn của tất cả các lực tác dụng lên nó bằng không.

D. không có lực nào tác dụng lên nó.

Câu 8. Một vật khối lượng 19 kg được treo đứng yên bằng một sợi dây, lấy $g = 10$ m/s^2. Lực căng dây bằng

A. 190 N **B.** 0 N **C.** 19 N **D.** 380 N

Câu 9. Cùng một nhiệt kế lần lượt hiển thị $M_A = 41\ ^\circ\text{C}$, $M_B = 34\ ^\circ\text{C}$. Mô hình mỗi lần là $M_i = T_i + b + \varepsilon_i$: b giống hệt ở hai lần, chưa biết trong $[-3; 3]\ ^\circ\text{C}$ | $\varepsilon_A| \le 0,1\ ^\circ\text{C}$, | $\varepsilon_B| \le 0,1\ ^\circ\text{C}$. Hai sai số riêng độc lập về giới hạn, không giả định phân bố xác suất. Khoảng chặt nhất của hiệu nhiệt độ thật là gì?

A. $[7; 7]\ ^\circ\text{C}$. **B.** $[6,9; 7,1]\ ^\circ\text{C}$. **C.** $[6,8; 7,2]\ ^\circ\text{C}$. **D.** $[0,8; 13,2]\ ^\circ\text{C}$.

Câu 10. Đồ thị độ dịch chuyển – thời gian của một vật gồm hai đoạn thẳng: đoạn thứ nhất nối $(0\ \text{s};\ 0\ \text{m})$ với $(2\ \text{s};\ 36\ \text{m})$, đoạn thứ hai nối $(2\ \text{s};\ 36\ \text{m})$ với $(12\ \text{s};\ 36\ \text{m})$. Vận tốc trung bình của vật trong cả 12 s bằng

A. $18\ \text{m/s}$ **B.** $36\ \text{m/s}$ **C.** $3\ \text{m/s}$ **D.** $9\ \text{m/s}$